

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Vui,
- Ông Lê Văn Chính.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thanh N, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị N, anh H (chị N, anh H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Vũ Thanh N trình bày:

Chị và anh Dương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định và o ngày 10/9/1999. Quá trình chung sống giữa chị và anh H phát sinh mâu thuẫn nguyện nhân chủ yếu là do mâu thuẫn của vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống. Chị và anh H hiện sống ly thân nhau từ tháng 6/2023 cho đến nay. Nay chị xác định tình

cảm giữa chị và anh H không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Giữa chị và anh H có hai con chung là cháu Dương Văn T, sinh ngày 26/7/2000 và cháu Dương Văn Q, sinh ngày 25/12/2002. Hiện hai con đã trưởng thành tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Dương Văn H.

Anh và chị Vũ Thanh N có đăng ký kết hôn tại UNND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định ngày 10/9/1999. Mâu thuẫn giữa anh và chị N phát sinh từ năm 2022. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh và chị N đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 6/2023 đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh thì anh nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giữa anh và chị N có hai con chung là cháu Dương Văn T, sinh ngày 26/7/2000 và cháu Dương Văn Q, sinh ngày 25/12/2002. Hiện hai con đã trưởng thành tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh H vắng mặt (anh H có ý kiến xin giải quyết vắng mặt và đề nghị không hoà giải). Chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị N và anh H xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị N và anh H đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Vũ Thanh N, xử thuận tình ly hôn giữa Vũ Thanh N và anh Dương Văn H. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N và anh H có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh H theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa chị Vũ Thanh N và anh Dương Văn H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh H. Về phía anh H nhất trí thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng, hiện tại đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị N xin ly hôn anh H và anh H cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị N và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Chị N và anh H đều thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Dương Văn T, sinh ngày 26/7/2000 và cháu Dương Văn Q, sinh ngày 25/12/2002. Hiện hai con đã trưởng thành tự lập được nên chị N anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thanh N và anh Dương Văn H.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Vũ Thanh N phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001407, ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Vũ Thanh N và anh Dương Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa Minh;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Văn Anh